TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HS-ST
Ngày: 20/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Ông Bùi Đăng Huy
Thẩm phán:	Bà Phạm Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:	Bà Dương Thị Kim Hồng
	Ông Phạm Công Định
	Bà Nguyễn Thị Chính

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 27/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng T, sinh ngày 11/12/1979 tại thành phố Hà Nội; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T1 và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Đào Thị N và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/12/2024 đến ngày 17/12/2024 chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Trung K – Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: A Hồ N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt

1. Bị hại: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1985 và chị Bùi Thị N1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương; có mặt anh C, vắng mặt chị N1

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Ngô Văn C1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương; Có mặt

2. Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1983; vắng mặt

2. Ông Nguyễn Trọng N2, sinh năm 1963; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng T quen biết anh Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1983, trú tại CT4 KĐT X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Anh Nguyễn Quốc T2 quen biết anh Ngô Văn C1, sinh năm 1976 trú tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Khi thấy anh C1 thông qua anh T2 nhờ "*chạy án*" cho người thân thì T nói với anh C1 mình đang công tác tại Bộ C2 có thể "*chạy án*" được. Cụ thể là:

Chị Bùi Thị N1, sinh năm 1990 trú tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương có chồng là anh Vũ Văn C, sinh năm 1985, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Hải Dương khởi tố, bắt tạm giam về tội Đánh bạc vào ngày 08/7/2022. Chị N1 nhờ anh họ là Ngô Văn C1 "*chạy án"* cho anh C; anh C1 nhờ Nguyễn Quốc T2 dẫn chị N1 và anh C1 đến gặp Nguyễn Trọng T. T cho rằng anh C có nhân thân xấu nên chỉ có thể lo cho anh C được hưởng án treo hoặc được trả tự do tại phiên tòa với chi phí 1.200.000.000 đồng. Tin tưởng T nói thật, chị N1 đưa cho anh C1 300.000.000 đồng và vay của anh C1 900.000.000 đồng để đưa cho T. Từ ngày 14 đến ngày 28/9/2022, anh C1 sử dụng tài khoản ngân hàng A số 18611837 của mình chuyển 500.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V số 107915999966 của T và chuyển 700.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng T5 số 190332918919015 của anh T2 nhờ anh T2 chuyển cho T. Sau khi nhận được tiền của chị N1, T sử dụng trả nợ anh Hoàng Ngọc L, sinh năm 1986, trú tại xóm T, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội 629.000.000 đồng và ông Nguyễn Trọng T3, sinh năm 1974, trú tại xóm Đ, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội 59.000.000, số tiền còn lại T sử dụng cá nhân.

Tháng 11/2022, anh C bị Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Đánh bạc. Thấy T không thực hiện nội dung đã thỏa thuận nên anh C1, chị N1 đòi tiền T. Ngày 18/9/2023, T viết Giấy xác nhận có nội dung: *Thuấn nhận của ông C1 1,2 tỷ đồng để lo việc, đã trả khoảng một nửa số tiền đã nhận, cam kết trong 01 tháng sẽ hoàn trả đủ.* Ngày 28/01/2024, anh C1 có đơn tố cáo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đề nghị xử lý hành vi của T. Ngày 14/12/2024, Nguyễn Trọng T đến Công an xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội đầu thú.

Kết luận giám định số 177 ngày 14/9/2024 của phòng K1, Công an tỉnh H, kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Trọng T trên Giấy xác nhận đề ngày 18/9/2023 là chữ viết, chữ ký của Nguyễn Trọng T.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS-P1 ngày 28/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử phạt T từ 08 đến 09 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/12/2024. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 Căn cước công dân; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo khai nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm dân sự theo luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn cho bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại và người đại diện xác nhận đã thỏa thuận xong với gia đình bị cáo về trách nhiệm dân sự nên không đề nghị giải quyết và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Anh L và ông T3 được Tòa án xác định liên quan đến việc bị cáo đã dùng tiền chiếm đoạt đã trả nợ cho họ tuy nhiên tại phiên tòa vấn đề trách nhiệm dân sự đã thỏa thuận xong nên Hội đồng xét xử xác định anh L, ông T3 không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 14/9/2022 đến ngày 28/9/2022, tại huyện B, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Trọng T đưa thông tin gian

dối với chị Bùi Thị N1 về việc T có thể tác động với Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng huyện B, tỉnh Hải Dương để lo cho anh Vũ Văn C là chồng chị N1 được hưởng án treo hoặc trả tự do tại phiên toà về tội Đánh bạc, với chi phí là 1.200.000.000 đồng. Chị N1 tin là thật và chuyển khoản cho T số tiền trên. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại. Bản thân bị cáo không công tác trong các Cơ quan tố tụng, không có chức năng, nhiệm vụ để giải quyết án cho người khác nhưng vẫn đưa ra các thông tin gian dối để bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo. Sau khi nhận tiền, bị cáo đã sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, mẹ đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Xét bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt. Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã bồi thường cho bị hại tổng 777.000.000 đồng, bị hại yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường 423.000.000 đồng tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận xong về bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về vật chứng: 01 Căn cước công dân không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo, tại phiên tòa bị cáo đề nghị trả cho vợ bị cáo nhận hộ vì hiện bị cáo đang tạm giam.

[7]. Về án phí: Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Về hình phạt:

3.1. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 08 (T4) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2024.

3.2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4.Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 Căn cước công dân số 001079047075 mang tên Nguyễn Trọng T (Đã trả cho chị Đào Thị N (vợ bị cáo) tại phiên tòa).

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA, THS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đăng Huy